

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TỀ
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 25 / 10 / 2017

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TỀ, TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Ngọc Sáng
2. Ông Giàng A Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lò Phạ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mường Tề, tỉnh Lai Châu.

Đại kiểm sát nhân dân huyện Mường Tề tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tề xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017. Về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXX-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Thông báo mở phiên tòa số 01/2017/ TB-TA ngày 09/10/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn Đ - Sinh năm 1971

Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tạm trú: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Tự do. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị P - Sinh năm 1975

Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Tự do. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 6 năm 2017 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Mường Tề, nguyên đơn anh Bùi Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị P, đăng ký kết hôn từ ngày 14 tháng 11 năm 1994 tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là xã Đ, huyện V, tỉnh Phúc), trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống thời

gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2006 anh Đ cùng vợ con lên huyện M, tỉnh Lai Châu kiếm việc làm sinh sống ở Thị trấn M, Trong quá trình chung sống đến năm 2007 hai vợ chồng bắt đầu có những sự bất hòa về quan điểm mỗi người một ý, thường xuyên cãi nhau, do vợ chồng không hợp nhau năm 2013 anh Đ về quê làm ăn sinh sống. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được như ý muốn. Anh chị đã ly thân từ năm 2013, ít quan tâm với nhau, nay vợ chồng không còn tình với nhau nữa và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, do vậy anh Đ xin được xem xét giải quyết ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ xin được ly hôn với chị Lê Thị P.

Về con chung: Anh Bùi Văn Đ và chị Lê Thị P có 02 con chung, cháu lớn nhất Bùi Thị X, sinh năm 1996 hiện đang đi làm ở Hà Nội; cháu thứ hai Bùi Văn K, sinh năm 1997 hiện cháu ở tại Khu phố 4 Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Nay các cháu đã lớn, trưởng thành và đã có công việc ổn định các cháu không có yêu cầu gì về cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có tài sản chung gì, không vay mượn gì của ai, nên anh Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Phát biểu của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn anh Bùi Văn Đ và bị đơn chị Lê Thị P, từ khi thụ lý vụ án và tiến hành các bước về thủ tục tố tụng Tòa đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng Điều 51, khoản 1 điều 56, điều Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271; điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/ 2016/ NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị P.

Về con chung: Anh Bùi Văn Đ và chị Lê Thị P có 02 con chung, cháu lớn nhất Bùi Thị X, sinh năm 1996 hiện đang đi làm việc ở Hà Nội; cháu thứ hai Bùi Văn K, sinh năm 1997 hiện cháu ở tại Khu phố 4 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nay các cháu đã lớn, trưởng thành và đã có công việc ổn định các cháu không có yêu cầu gì về cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có gì, nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh Bùi Văn Đ và chị Lê Thị P là quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là xã Đ, huyện V, tỉnh Phúc), đây là hôn nhân hợp pháp. Hai bên không hợp nhau do quan điểm của mỗi người một ý không đồng nhất, dẫn đến cuộc sống ly thân, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được. Trong thời gian này anh chị không quan tâm, thăm hỏi gì nhau, cũng chẳng có trách nhiệm gì với nhau nữa, xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nên anh Đông đã làm đơn xin ly hôn.

Bị đơn chị Lê Thị P, sinh năm 1975, Chỗ ở hiện nay Khu phố 4 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, chị Lê Thị P luôn vắng mặt không có lý do, hơn nữa không chịu hợp tác về việc giao tổng đạt: Giấy triệu tập, Thông báo tiếp cận chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án thông báo hợp lệ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án, chị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến văn bản trả lời về những yêu cầu và nguyện vọng của mình. Cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu của anh Bùi Văn Đ, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với chị Lê Thị P với lý do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật theo khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Bùi Văn Đ và chị Lê Thị P có 02 con chung, cháu lớn nhất Bùi Thị X, sinh năm 1996, hiện nay đang đi làm ở Hà Nội; cháu thứ hai Bùi Văn K, sinh năm 1997 hiện cháu ở tại Khu phố 4 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nay các cháu đã lớn, trưởng thành và đã có công việc ổn định các cháu không có yêu cầu gì về cấp dưỡng. Nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án.

[3] Về tài sản chung: không có gì, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Công nợ không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí HNGĐ- ST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; điều 271; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2017 về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị P.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/ 2010/0000414, ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án huyện Mường Tè, anh Bùi Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân

- *Tòa án tỉnh L;*
- *VKSND huyện M*
- *Thị hành án dân H M*
- *UBND xã Đ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Thị Chiến